

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 5**

**Số tín chỉ: 03
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên**

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 5

2. Mã học phần: TTRUNG403

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ: Năm thứ 3 (kỳ II)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 4

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	Nguyenhoa11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan0708@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bổ ngữ kết quả, trợ từ động thái “过”, bổ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 就.....”, “是 的”, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bổ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu của học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh,	1	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	miêu tả người....		
MT1.2	Sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp: câu bỏ ngữ xu hướng, trợ từ động thái “了”、“过”、“着”， câu bị động, bỏ ngữ xu hướng kép...	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Diễn đạt được các câu liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.... Nghe hiểu các đoạn hội thoại, độc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Đọc hiểu được các đoạn văn 350– 450 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình. Viết được các đoạn văn ngắn giới thiệu về chuyên tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....có sử dụng những cấu trúc ngữ pháp đã được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Người học nhớ được 600 từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...	1	[2.1.3]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CĐR1.2	Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong học phần để đặt câu.	2	[2.1.3]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Đọc hiểu được các đoạn văn khoảng 400 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Vận dụng giao tiếp bằng tiếng Trung ở mức cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, học tập và nghề nghiệp của mình. Có thể giao tiếp bằng tiếng Hoa khi đi du lịch ở Trung Quốc.	3	[2.2.8]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	第四课：快上来吧，要开车了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
2	第五课：我听过钢琴节奏曲《黄河》 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
3	第六课：我是跟旅游团一起来的 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
4	第七课：我的护照你找到了没有 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
5	第八课：我的眼镜摔坏了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
6	第九课：要是忘拔下来了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：动作即将发生 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
7	第十课：会议厅的门开着呢 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：动作即将发生 五、练习	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành hội thoại trong giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	20%	
2.	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3.	Thi kết thúc học phần	1 điểm Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học. Hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần theo dạng HSK 3 gồm 3 kỹ năng nghe, đọc và viết với các yêu cầu về nội dung tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phân từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL

và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: Hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

- Sinh viên chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập trong giáo trình và đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia luyện tập, thảo luận theo yêu cầu của giáo viên.

- Có đầy đủ dụng cụ và tài liệu học tập.

14 Tài liệu học tập:

* Tài liệu bắt buộc:

[1] *Giáo trình Hán ngữ 3* - Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh, năm 2016

* Tài liệu tham khảo:

[2] *汉语会话 301 句* - Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch:, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, năm 2010

[3] *Giáo trình HSK 3* - Khương Lê Bình, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

15 . Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	第四课：快上来吧，要开车了 Bài 4: Lên nhanh đi, xe sắp	3		[1] [2] [3]	Đọc trang 54- 59 tài liệu [1]; trang 156-159 tài liệu [2]; trang 11-13 tài liệu [2];

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	chạy rồi Mục tiêu: - Liệt kê từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释				[3]
2	第四课：快上来吧，要开车了(继) Bài 4: Lên nhanh đi, xe sắp chạy rồi (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng được cấu trúc câu bổ ngữ xu hướng - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 四、语法：趋向补语 五、练习	3		[1] [2] [3]	- Đọc: Trang 60- 66 tài liệu [1] Trang 160-162 tài liệu [2] Trang 14,15 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 67-68 Tài liệu [1]
3	第五课：我听过钢琴节奏曲《黄河》 Bài 5: Tôi đã từng nghe bản hòa nhạc “Hoàng Hà” Mục tiêu: - Liệt kê được các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词	3		[1] [2]	Đọc trang 70- 76 tài liệu [1]; trang 203-205 tài liệu [2]; trang 1-3 tài liệu [3]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	三、注释				
4	<p>第五课：我听过钢琴节奏曲《黄河》(继)</p> <p>Bài 5: Tôi đã từng nghe bản hòa nhạc “Hoàng Hà” (tiếp)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh bằng, so sánh giống nhau bỏ ngữ kết quả (到、成、上...) - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>四、语法：结果补语</p> <p>五、练习</p>	3		[1] [2]	<p>- Đọc:</p> <p>Trang 77- 84 tài liệu [1] Trang 215, 216 tài liệu [2]</p> <p>- Hoàn thành:</p> <p>Bài tập trang 85-86 Tài liệu [1]</p>
5	<p>第六课：我是跟旅游团一起来的</p> <p>Bài 6: Tôi đã đến cùng với đoàn du lịch</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p>	3		[1] [2] [3]	<p>Đọc trang 88- 93 tài liệu [1]; trang 163-165 tài liệu [2]; trang 25-27 tài liệu [3]</p>
6	<p>第六课：我是跟旅游团一起来的(继)</p> <p>Bài 6: Tôi đã đến cùng với đoàn du lịch (tiếp)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cách dùng và sử dụng 	3		[1] [2] [3]	<p>- Đọc, tra từ điển</p> <p>Trang 93- 101 tài liệu [1] Trang 167, 168 tài liệu [2] Trang 28,29 tài liệu [3]</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>thành thạo cấu trúc “是...的”</p> <p>“一 ... 就” và tính từ lặp lại</p> <p>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>四、语法:</p> <p>(一) 是 的</p> <p>(二) 一 就</p> <p>(三) 形容词重叠</p> <p>五、练习</p>				- Hoàn thành: Bài tập trang 102-103 TL [1]
7	<p>第七课：我的护照你找到了没有</p> <p>Bài 7: Anh đã tìm thấy hộ chiếu chưa?</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Liệt kê các từ vựng trong bài</p> <p>- Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p>	3		[1] [2]	Đọc trang 105 - 109 tài liệu [1]; trang 117-119 tài liệu [2]
8	<p>第七课：我的护照你找到了没有(继)</p> <p>Bài 7: Anh đã tìm thấy hộ chiếu chưa? (tiếp)</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Hiểu cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc câu vị ngữ chủ vị</p> <p>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập</p> <p>Nội dung cụ thể:</p>	3		[1] [2]	- Đọc trang 110 - 112 tài liệu [1]; trang 120-122 tài liệu [2] - Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 4 đến bài 6 tài liệu [1], tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	四、语法： 主谓谓语句 Kiểm tra giữa học phần				- Làm bài kiểm tra giữa học phần
9	第七课： 我的护照你找到了没有(继) Bài 7: Anh đã tìm thấy hộ chiếu chưa? (tiếp) Mục tiêu: - Vận dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học vào bài tập Nội dung cụ thể: 五、练习	3		[1] [2]	- Đọc trang 112- 117 tài liệu [1]; trang 121-123 tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trang 116-117 tài liệu [1]
10	第八课： 我的眼镜摔坏了 Bài 8: Mắt kính của tôi rơi hỏng rồi Mục tiêu: - Viết được các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Dịch được nội dung bài khóa Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释	3		[1] [3]	- Đọc, tra từ điển Trang 119- 124 tài liệu [1]; trang 168-170 tài liệu [3]
11	第八课： 我的眼镜摔坏了(继) Bài 8: Mắt kính của tôi rơi hỏng rồi (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc câu bị động - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập	3		[1] [3]	- Đọc: Trang 124- 128 tài liệu [1]; trang 171-174 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 129-130 tài liệu [1];

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Nội dung cụ thể: 四、语法： (一) 被动句 (二) 量词重叠 (三) 一年比一年 五、练习				
12	第九课：钥匙忘拔下来了 Bài 9: Chìa khóa quên rút ra rồi Mục tiêu: - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词	3		[1] [2]	Đọc trang 133- 137 tài liệu [1]; trang 203-205 tài liệu [2];
13	第九课：钥匙忘拔下来了 (继) Bài 9: Chìa khóa quên rút ra rồi (tiếp) Mục tiêu: - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc câu bổ ngữ xu hướng phức - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 三、语法：符合趋向补语 四、练习	3		[1] [2] [3]	- Đọc: Trang 137- 145 tài liệu [1] Trang 208 -210, 273-275 tài liệu [2]; trang 107-115 tài liệu [3] - Hoàn thành: Bài tập trang 146-147 tài liệu [1]
14	第十课：会议厅的门开着呢 Bài 10: Cửa phòng hội nghị đang mở Mục tiêu:	3		[1] [2]	Đọc trang 149- 152 tài liệu [1]; trang 238-231 tài liệu [2];

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 				
15	<p>第十课：会议厅的门开着呢(继)</p> <p>Bài 10: Cửa phòng hội nghị đang mở (tiếp)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc câu dùng trợ từ động thái “着” - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 三、语法：动态助词 “着” “ 五、练习 	3		<ul style="list-style-type: none"> [1] [2] [3] 	<p>- Đọc:</p> <p>Trang 153- 158 tài liệu [1]; trang 230-234 tài liệu [2], trang 21-29 tài liệu [3]</p> <p>- Hoàn thành:</p> <p>Bài tập trang 158-159 tài liệu [1]</p>

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiên

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên